

TRAO ĐỔI VỀ NGHIÊN CỨU PHÂN TẦNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ĐỖ THIÊN KÍNH*

Bài viết này nhằm trao đổi về một số khái niệm liên quan đến chủ đề phân tầng xã hội được tác giả Nguyễn Đình Tấn công bố trên Tạp chí Xã hội học và sách xuất bản (Nguyễn Đình Tấn: 2005a, 2005b, 2010) mà trong đó, tác giả đều thể hiện nguyện vọng mong muốn được bạn đọc góp ý, nhận xét và phê bình (Nguyễn Đình Tấn, 2005a: 8; và 2010:12).

Trước hết, xin trích dẫn hai khái niệm “Tầng xã hội” và “Phân tầng xã hội” của ông để làm cơ sở trao đổi ở đây:

Tầng xã hội là tổng thể, tập hợp các cá nhân có cùng một hoàn cảnh xã hội, họ giống nhau hay bằng nhau về địa vị kinh tế (tài sản), địa vị chính trị (quyền lực), địa vị xã hội (uy tín), về khả năng thăng tiến cũng như giành được những ân huệ hay vị trí trong xã hội.

(Nguyễn Đình Tấn, 2005a: 87)

Phân tầng xã hội là sự bất bình đẳng mang tính cơ cấu của mọi xã hội loài người, trừ những tổ chức xã hội sơ khai (thời kỳ đầu của xã hội công xã nguyên thủy). Phân tầng xã hội là sự phân chia, sự sắp xếp và hình thành cấu trúc gồm các tầng xã hội (bao gồm cả sự phân loại, xếp hạng). Đó là sự khác nhau về địa vị kinh tế hay tài sản, về địa vị chính trị hay quyền lực, địa vị xã hội hay uy tín cũng như khác nhau về trình độ học vấn, loại nghề nghiệp, phong cách sinh hoạt, cách ăn mặc, kiểu nhà ở, nơi cư trú, thị hiếu nghệ thuật, trình độ tiêu dùng v.v..

(Nguyễn Đình Tấn, 2005a: 91)

Tiếp theo các khái niệm trên, ông đã giải thích và “hiểu phân tầng xã hội theo ba đặc trưng sau”: (1) Có sự sắp xếp theo thang bậc cao thấp giữa các tầng lớp; (2) Có sự gắn liền với bất bình đẳng xã hội và phân công lao động; (3) Có sự di chuyển/di động giữa các tầng lớp, hoặc trong nội bộ từng tầng lớp (Nguyễn Đình Tấn, 2005a: 91, 92).

Về nội dung hai khái niệm *tầng xã hội* và *phân tầng xã hội* trên đây, nói chung các nhà xã hội học trên thế giới cũng đều quan niệm như vậy. Trong khái niệm *phân tầng xã hội*, ông thể hiện nội dung “di động xã hội” được “hàm ý” qua cụm từ “hình thành cấu trúc”. Đến phần giải thích về đặc trưng của khái niệm, ông đã “hiển ý” rõ nội dung di động xã hội. Sở dĩ tôi nhấn mạnh đến “di động xã hội” qua cụm từ “hình thành cấu trúc”

* TS, Viện Xã hội học.

ở đây, bởi vì nó là cơ sở và liên quan đến nội dung trao đổi về cái gọi là “phân tầng xã hội hợp thức/không hợp thức” (PTXH-HT/KHT) trong bài viết này.

1. Về “*Phân tầng xã hội hợp thức*” (PTXH-HT) và “*Phân tầng xã hội không hợp thức*” (PTXH-KHT)

Tác giả Nguyễn Đình Tấn (2010:6) đã “tổng kết và đúc rút lại thành 5 đóng góp cho sự phát triển lý luận về cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội ở Việt Nam” trong quá trình nghiên cứu của ông. Một trong 5 đóng góp đó, theo ông, là khái niệm PTXH-HT/PTXH-KHT. Vậy, ta hãy tìm hiểu xem ông quan niệm “PTXH-HT” là gì? Về khái niệm “phân tầng xã hội” (PTXH), tôi đã trích dẫn ở trên. Đối với tính từ “hợp thức” (HT) được ông giải thích và hiểu như sau:

“Hợp thức” hiểu theo nghĩa không chỉ đơn thuần là sự phù hợp với pháp luật, chuẩn mực đạo đức xã hội trong hiện tại mà còn là sự phù hợp với quy luật, khả năng, xu hướng và mục tiêu phát triển đi lên của xã hội.

(Nguyễn Đình Tấn, 2005b: 30)

Trong quá trình gắn kết 2 khái niệm *phân tầng xã hội* và *hợp thức*, ông đã đưa ra cái gọi là “PTXH-HT/PTXH-KHT” bằng cách:

[...] tiến hành thao tác hóa về mặt khái niệm, tách khái niệm phân tầng xã hội nói chung thành 2 khái niệm bộ phận: Phân tầng xã hội hợp thức và phân tầng xã hội không hợp thức; [...] Phân tầng xã hội hợp thức là một cấu trúc tầng bậc của xã hội được hình thành chủ yếu dựa trên cơ sở của sự khác biệt tự nhiên về năng lực (thể chất, trí tuệ); những khác biệt về tài, đức, sự cống hiến, đóng góp thực tế của mỗi cá nhân, tổ chức cho xã hội. Thực chất của phân tầng xã hội hợp thức là sự vận hành theo nguyên tắc làm theo năng lực, hưởng theo lao động [...].

Phân tầng xã hội không hợp thức là tất cả những gì đối lập với phân tầng xã hội hợp thức. Tức là một cấu trúc xã hội được hình thành không phải dựa trên sự khác biệt tự nhiên, khách quan về tài, đức, về sự cống hiến, đóng góp thực tế của mỗi cá nhân cho xã hội mà là do tham nhũng, làm ăn phi pháp, do “ê kíp”, thủ đoạn, ... mà có.

(Nguyễn Đình Tấn, 2010: 7 - 8)

Theo ngôn ngữ tiếng Việt phổ thông, mục từ “hợp thức” có nghĩa là: “Đúng với thể thức quy định. Giấy tờ hợp thức. Cách bầu cử hợp thức” (Viện Ngôn ngữ học, 2003:466). Tác giả Nguyễn Đình Tấn đã hiểu “hợp thức” như trích dẫn ở trên là theo nghĩa xã hội học và cụ thể hơn so với Từ điển tiếng Việt trong trường hợp sử dụng khái niệm “PTXH-HT”. Điều quan trọng trong trích dẫn trên đây là ở chỗ ông đã chia tách khái niệm PTXH nói chung thành 2 khái niệm bộ phận: PTXH-HT và PTXH-KHT. Đồng thời, ông tiếp tục xác định PTXH-HT và PTXH-KHT là 2 “cấu trúc xã hội” khác nhau và hoàn toàn đối lập với nhau. Có thể xem chi tiết hơn về 2 cấu trúc xã hội này qua Sơ đồ PTXH-HT và KHT trong cuốn sách đã xuất bản của ông (Nguyễn Đình Tấn, 2005a: 119), hoặc xem sơ đồ được “mô phỏng” lại trong bài viết này.

Trong sơ đồ đó, ông thể hiện “hàm ý” về tiêu chuẩn phân chia thành 2 cấu trúc xã hội khác nhau là dựa trên cơ sở cách thức hình thành của nó. Đối chiếu với khái niệm PTXH và đặc trưng của nó, thì phương thức hình thành cấu trúc chính là con đường di động xã hội giữa các tầng lớp để tạo nên hệ thống phân tầng. Như vậy, tác giả Nguyễn Đình Tấn đã sử dụng một trong ba “đặc trưng quan trọng nổi bật” của PTXH là di động xã hội để phân chia thành 2 cấu trúc xã hội bộ phận. Bởi vì ông quan niệm mỗi PTXH-HT/KHT “tức là một cấu trúc xã hội”, cho nên tôi diễn giải một cách trực quan là ông đã chia toàn bộ xã hội tổng thể [trong cả nước] thành 2 xã hội bộ phận: xã hội HT và xã hội KHT. Người ta có thể dùng tiêu chí địa lý để phân chia thành PTXH ở nông thôn và PTXH ở đô thị, hoặc tiêu chí thời gian để phân chia thành PTXH trong các giai đoạn/thời kỳ lịch sử. Song, liệu có nên sử dụng tiêu chí về đặc trưng của PTXH để phân chia chính nó? Xin đưa ra một dẫn chứng trong sách của ông nói về những yếu tố tác động khác “làm biến dạng những trật tự “tự nhiên” trong phân tầng xã hội”, với “hàm ý” để hình thành nên PTXH-KHT:

Ví dụ, một hoàng tử yếu đuối, bất tài song vẫn có quyền thế từ làm quân vương cho cả một nước lớn khi vua cha mất. Một người tài hèn, sức mọn song do sinh ra từ đẳng cấp quý tộc (tầng lớp) nên người đó vẫn được quyền thừa hưởng những vị trí quan trọng cùng những bổng lộc, tài sản không phải do chính mình tạo ra.

(Nguyễn Đình Tấn, 2005a: 117)

Ví dụ trên đây được ông đưa ra trước khi ông vẽ Sơ đồ PTXH-HT và KHT (Nguyễn Đình Tấn, 2005a:119). Đối chiếu với sơ đồ ông vẽ trong sách và khái niệm PTXH-HT/KHT trích dẫn ở trên, hẳn là vị “hoàng tử yếu đuối, bất tài” trở thành “quân vương” (gọi tắt là hoàng tử/quân vương) thuộc về xã hội không hợp thức. Như vậy, theo cách diễn giải trực quan nêu trên, một xã hội nào đó trong ví dụ của ông sẽ được chia thành 2 xã hội bộ phận: (1) Xã hội KHT, bao gồm các tầng lớp mà người đứng đầu là vị hoàng tử/quân vương bất tài kể trên, cùng với những quan lại cận thân nịnh hót và những thành viên ở các tầng lớp khác được hình thành (di động đi lên) bằng con đường không chính đáng, thủ đoạn và mách khoe. (2) Xã hội HT còn lại thì không có người đứng đầu (bởi vì chỉ có 1 quân vương), nhưng hàng ngũ quan chức liêm chính và những thành viên ở các tầng lớp khác được hình thành (di động đi lên) bằng con đường chính đáng, có đức, có tài đúng với năng lực thực sự của mình. Nếu phân chia thành 2 xã hội như vậy, liệu ta có thể hình dung được một xã hội có quân vương, còn xã hội kia thì không có người đứng đầu được không? Đối chiếu với nghĩa của mục từ *hợp thức* trong Từ điển tiếng Việt, thì vị hoàng tử này đã thừa kế ngai vàng của “vua cha” để trở thành “quân vương” một cách rất hợp thức, và tuân thủ theo sự ràng buộc của thiết chế “cha truyền con nối” như là một “cách bầu cử hợp thức”. Mặt khác, khi đối chiếu với nghĩa của từ “hợp thức” mà ông hiểu: “là sự phù hợp với pháp luật, chuẩn mực đạo đức xã hội...”, thì vị hoàng tử/quân vương chẳng những rất phù hợp với “pháp luật” “cha truyền con nối” của xã hội phong kiến, mà còn phù hợp với cả “chuẩn mực đạo đức xã hội” của chính xã hội đó. Nhưng căn cứ vào khái niệm PTXH-HT/KHT của tác giả Nguyễn

Đình Tấn, vị hoàng tử/quân vương bị “quy gán” vào cấu trúc xã hội được hình thành không hợp thức.

Dựa theo ví dụ của ông về vị hoàng tử/quân vương ở xã hội phong kiến trên đây, tôi đưa ra dẫn chứng lịch sử về việc thành lập Ban quản trị hợp tác xã (HTX) sản xuất nông nghiệp ở miền Bắc nước ta (1958-1960). Đó là việc “quy hoạch cán bộ” để thành lập Ban quản trị HTX phải tuân thủ theo “Đường lối giai cấp”, xuất thân từ thành phần cơ bản, dựa hẳn vào bản nông và trung nông lớp dưới. Đó là nguyên tắc:

“Đảng khẳng định thành phần chủ yếu trong ban quản trị phải thuộc diện dân nghèo, bản và trung nông lớp dưới, nhất là bản nông. Thông tri số 187-TT/TU, ngày 16-1-1959 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ghi rõ: [...] Những chức vụ quan trọng trong hợp tác xã như chủ nhiệm, kế toán, trưởng ban kiểm soát, đội trưởng hoặc tổ trưởng sản xuất, cần bảo đảm bản nông hoặc trung nông lớp dưới nắm, nhất là bản nông”.

(Nguyễn Đình Lê, 1999: 56)

Do vậy, rất nhiều chủ nhiệm HTX nông nghiệp được lựa chọn từ thành phần giai cấp cơ bản là “bản nông”, mặc dù tài năng của họ hạn chế (tương tự như vị hoàng tử/quân vương bất tài). Những cán bộ trong Ban quản trị HTX “xuất thân từ vị trí thấp nhất trong xã hội nông thôn, [...] nay nghiêm nhiên trở thành lực lượng cán bộ chủ chốt quản lý, điều hành guồng máy sản xuất của cộng đồng xã hội mới” (Nguyễn Đình Lê, 1999:65, 66). Khi người chủ nhiệm HTX nông nghiệp xuất thân từ thành phần “bản nông” và di động vươn tới địa vị xã hội cao trong làng/xã, thì không ít trong số đó được hưởng nhiều “bổng lộc”: “Mỗi người làm việc bằng hai. Để cho chủ nhiệm mua đài, mua xe” (về dân gian). Những chủ nhiệm HTX này cũng chẳng khác gì vị hoàng tử/quân vương kể trên. Theo khái niệm PTXH-KHT, họ sẽ bị xếp vào cấu trúc xã hội được hình thành không hợp thức, bởi vì họ không thực hành theo nguyên tắc “làm theo năng lực, hưởng theo lao động”. Nhưng thiết chế xã hội “thành phần giai cấp cơ bản” đã đưa họ di động đi lên địa vị cao trong làng xã một cách rất hợp thức. Trong thời kỳ đổi mới hiện nay, có thể tiếp tục đưa ra các ví dụ khác tương tự như 2 ví dụ nêu trên.

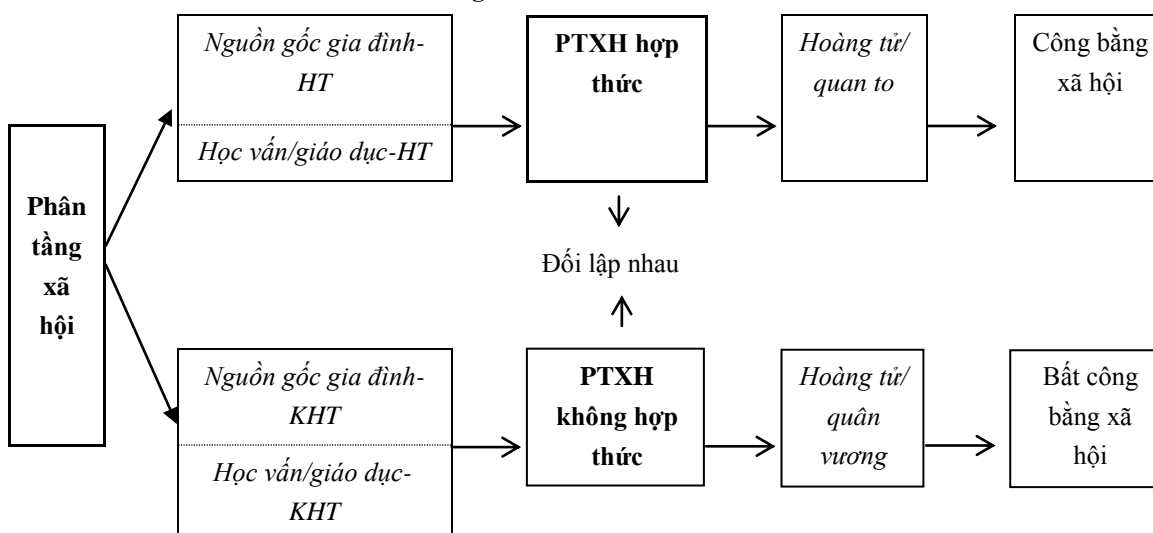
Liên quan đến con đường hình thành địa vị kinh tế - xã hội (KT-XH) của cá nhân (mà tác giả Nguyễn Đình Tấn dùng làm tiêu chí để phân chia PTXH-HT/KHT), nghiên cứu của Blau và Duncan (1967) đã xây dựng nên Mô hình [lý thuyết] cơ bản về quá trình vươn tới địa vị kinh tế - xã hội của các thành viên trong xã hội (David B. Grusky, 2001: 391-399; Đỗ Thiên Kính, 2014: 10). Trong đó, có thể quy giản thành hai loại nhân tố cơ bản tác động để hình thành địa vị KT-XH của một cá nhân trong hệ thống phân tầng (cũng tức là 2 nhân tố cơ bản quyết định sự di động xã hội của cá nhân giữa các tầng lớp xã hội). Đó là *nguồn gốc gia đình* (bao gồm học vấn/giáo dục và nghề nghiệp/địa vị KT-XH của cha mẹ - như là nhân tố tạo thành địa vị gán sẵn cho thế hệ con cái) và *học vấn/giáo dục* của bản thân cá nhân (đặc biệt là giáo dục bậc cao - như là nhân tố tạo thành địa vị đạt được của họ). Tác giả Nguyễn Đình Tấn (2005a:150) cũng đề cập đến thành tựu đó của xã hội học quốc tế: “Nguồn gốc gia đình và học vấn của cá nhân là những yếu [tố] quan trọng nhất ảnh hưởng đến tính cơ động xã hội”. Về sự tác động bền vững của nguồn gốc xã hội (trong đó có

nguồn gốc gia đình là quan trọng) đối với địa vị KT-XH của con cái (ở xã hội phương Tây) cũng đã được Raymond Boudon chứng minh bằng lý thuyết và bằng thực nghiệm trong công trình của ông (Boudon, 1974). Còn ở Việt Nam thời phong kiến: “*Con vua thì lại làm vua. Con sãi ở chùa lại quét lá đũa*” (ca dao), mà vị hoàng tử/quân vương nói trên là ví dụ điển hình. Như vậy, dựa vào tiêu chí phân chia của tác giả Nguyễn Đình Tấn là phương thức hình thành PTXH-HT/KHT, cho nên có thể chia ra 2 phương thức hình thành ở đây: “hình thành - HT” và “hình thành - KHT”. Hai phương thức hình thành đối lập nhau này cũng được ông thể hiện trong Sơ đồ PTXH-HT và KHT. Mà trong mỗi phương thức hình thành lại có 2 nhân tố tác động chủ yếu là nguồn gốc gia đình và học vấn/giáo dục của cá nhân. Như thế, kết hợp lại ta có $2 \times 2 = 4$ loại nhân tố tác động để tạo nên 2 cấu trúc xã hội HT và KHT. Sau khi gán tính từ “hợp thức” của ông, có thể diễn giải và phân ra 4 loại nhân tố tác động như sau (Nguồn gốc gia đình - HT và KHT; Học vấn/giáo dục HT và KHT):

Nhân tố tác động	PTXH-HT (hình thành-HT)	PTXH-KHT (hình thành-KHT)
Nguồn gốc gia đình	Nguồn gốc gia đình-HT	Nguồn gốc gia đình-KHT
Học vấn/giáo dục	Học vấn/giáo dục-HT	Học vấn/giáo dục-KHT

Tiếp theo, nếu đặt 4 loại nhân tố tác động trên đây vào Sơ đồ PTXH-HT và KHT của ông, sẽ hình thành nên 2 cấu trúc xã hội HT và KHT. Nhân vật xã hội đứng đầu của PTXH-KHT là vị hoàng tử/quân vương bất tài kể trên. Còn các hoàng tử khác (anh/em trai của hoàng tử/quân vương) là người có tài sẽ trở thành quan to trong triều đình và thuộc về PTXH-HT (gọi tắt là hoàng tử/quan to). Hình 1 là “mô phỏng” theo sơ đồ của tác giả Nguyễn Đình Tấn:

Hình 1. Phương thức hình thành PTXH-HT/KHT



Như vậy, các hoàng tử đều có cùng nguồn gốc xuất thân từ vua cha, nhưng họ lại bị khái niệm “PTXH-HT/KHT” phân tách làm đôi: “Hoàng tử/quân vương” thuộc về *cấu*

trúc xã hội-KHT, còn (các) “hoàng tử/quan to” thuộc về *cấu trúc xã hội-HT*. Đáng lẽ ra, nếu có 2 phương thức hình thành cấu trúc xã hội/PTXH như vậy, thì cũng phải có 2 loại nguồn gốc gia đình khác nhau (thậm chí còn đối lập nhau). Nhưng trên thực tế chỉ có 1 vua cha, vẫn là một nguồn gốc gia đình ấy mà thôi (phụ hoàng và mẫu hậu). Như vậy, xuất phát từ 2 phương thức hình thành PTHX đối lập nhau của tác giả Nguyễn Đình Tấn, tôi đã phân tách thành 4 loại nhân tố tác động. Cuối cùng, đi tới kết luận hiển nhiên rằng nguồn gốc gia đình (vua cha) là một, không thể phân tách thành hai! Như thế, phương thức *hình thành* cấu trúc xã hội/PTXH cũng là một. Do vậy, cái gọi là “PTXH-HT/KHT” cũng vẫn chỉ là một, mà không thể phân tách được thành hai.

Tác giả Nguyễn Đình Tấn không mô tả cụ thể là đã dựa trên cơ sở nào, quan niệm nào, và đại diện cho ai để đánh giá một phương thức hình thành là HT/KHT? Có lẽ ông đã dựa trên nhận thức chủ quan của mình để đánh giá vị hoàng tử/quân vương thuộc về cấu trúc xã hội-KHT, còn (các) hoàng tử/quan to thuộc về cấu trúc xã hội-HT. Trong khi đó, cả “hoàng tử/quân vương” và (các) “hoàng tử/quan to” (cùng với bộ máy quan lại triều đình phong kiến từ trung ương tới địa phương và chuẩn mực xã hội lúc ấy là “cha truyền con nối”) thì lại không cho là như vậy. Như thế, nếu phương thức hình thành “HT/KHT” là theo nhận thức chủ quan của ông, thì điều đó không theo nguyên tắc tính khách quan, yêu cầu khách quan trong nghiên cứu xã hội học. Ở đây, PTHX là thực tế khách quan, nhà nghiên cứu phải đứng ngoài xã hội để quan sát xã hội, không nên áp đặt ý kiến chủ quan của mình để phán xét và đánh giá về nó. Dù cho PTHX có hình thành theo phương thức nào đi chăng nữa, thì đó cũng vẫn là một con đường hình thành. Thế nhưng tác giả Nguyễn Đình Tấn đã phân chia thành 2 con đường hình thành địa vị xã hội ở mỗi cá nhân, trong khi nó tồn tại thống nhất trong một con người và không thể phân chia được.

2. Về “*Giai tầng xã hội*” và “*Tầng lớp xã hội “ưu trội”*”

Tác giả Nguyễn Đình Tấn cũng đưa ra 2 đóng góp mới mà ông gọi là *Giai tầng xã hội* và *Tầng lớp xã hội “ưu trội”*. Ông hiểu khái niệm “*giai tầng xã hội không phải là một phép cộng cơ học, một từ ghép đơn thuần của hai khái niệm giai cấp và tầng lớp xã hội như cách hiểu cũ*” (Nguyễn Đình Tấn, 2010: 8), mà “*giai tầng xã hội là tập hợp người tương đối ngang bằng nhau về địa vị kinh tế, địa vị chính trị, địa vị xã hội cũng như những khía cạnh khác như trình độ học vấn, loại nghề nghiệp, kiểu nhà ở, nơi cư trú, phong cách sinh hoạt, thị hiếu nghệ thuật, [...] Giai tầng xã hội vừa là tầng xã hội nằm trong cấu trúc tầng bậc của xã hội, vừa hội ở trong đó, có mặt ở trong đó hầu hết các thành viên có hoàn cảnh tương đồng với nhau trong các giai cấp, tầng lớp, nghề nghiệp, tổ chức xã hội*” (Nguyễn Đình Tấn, 2010:10).

So sánh giữa phần đầu khái niệm *giai tầng xã hội* và toàn bộ khái niệm *tầng xã hội* của ông thì không thấy gì khác nhau. Tất cả đều là “*tương đối ngang bằng nhau*”, hoặc “*giống nhau*”, “*bằng nhau*” (về địa vị kinh tế, chính trị, xã hội) mà thôi. Điều này đã thể hiện trong chính bản thân định nghĩa trên đây: “*Giai tầng xã hội vừa là tầng xã hội*”. Thế nhưng, ở phần cuối khái niệm *giai tầng xã hội*, ông đã đảo ngược: *Giai tầng xã hội* lại bao gồm trong nó các *giai cấp* và *tầng lớp* khác nhau. Minh họa của ông về *giai tầng xã hội* có

thể đã làm cho không ít người đọc đặt dấu hỏi về tính logic: “Ví dụ: ở tầng “đáy” tầng thấp nhất có thể bao gồm những thành viên nghèo, yếu thế, nằm ở tất cả các giai cấp, tầng lớp như: công nhân, nông dân, trí thức; (...) tương tự như vậy, tầng “đỉnh”, tầng cao nhất cũng có thể hội đủ các thành viên ưu trội ở hầu hết các giai cấp, tầng lớp trên” (Nguyễn Đình Tấn, 2010: 10). Tức là “Vừa là A, vừa là không A”. Một mặt ông xác định: “Giai tầng xã hội là tập hợp người tương đối ngang bằng nhau về địa vị kinh tế, địa vị chính trị, địa vị xã hội”. Nhưng mặt khác, ông lại xác định tiếp “Giai tầng xã hội (...) có mặt ở trong đó hầu hết các thành viên có hoàn cảnh tương đồng với nhau trong các giai cấp, tầng lớp (...)” Như thế, dựa theo khái niệm và ví dụ về giai tầng xã hội của ông, có thể phân tổ người “nông dân nghèo” và “trí thức nghèo” vào cùng một giai tầng, bởi vì họ có hoàn cảnh tương đồng nhau về đời sống vật chất nghèo. Cũng có thể phân nhóm họ vào các giai tầng xã hội/tầng lớp xã hội khác nhau, bởi vì địa vị chính trị, địa vị xã hội (uy tín xã hội) ở họ khác nhau. Điều này là mâu thuẫn!

Hoặc ví dụ khác, cũng theo khái niệm trên, đầu tiên có thể phân nhóm 2 người “nông dân nghèo” và “nông dân giàu” vào cùng một tầng lớp xã hội gọi là nông dân (tức là họ cùng giai tầng xã hội, bởi vì theo ông “giai tầng xã hội vừa là tầng lớp xã hội”). Tiếp theo sau đó, lại có thể khẳng định 2 người “nông dân nghèo” và “trí thức nghèo” thuộc tầng “đáy”, còn 2 người “nông dân giàu” và “trí thức giàu” thuộc tầng “đỉnh”. Như vậy, 2 người nông dân giàu và nghèo lúc thì được xếp vào cùng một tầng lớp, lúc thì lại được xếp vào 2 tầng lớp khác nhau (một người ở tầng “đỉnh”, còn người kia ở tầng “đáy”). Đây chính là một lỗi logic hình thức: “Vừa là A, vừa là không A”. Xin minh họa cụ thể mâu thuẫn này bằng chính ví dụ của ông đưa ra như sau: “*Ví dụ, người ta khó có thể sắp xếp người lái máy kéo bên cạnh ông hiệu trưởng trường phổ thông. Ở đây, người lái máy kéo có thể có tài sản lớn hơn ông hiệu trưởng, song ông hiệu trưởng lại có quyền lực và uy tín cao hơn so với người lái máy kéo*” (Nguyễn Đình Tấn, 2005a: 93). Nhưng, dựa theo khái niệm về giai tầng xã hội của tác giả Nguyễn Đình Tấn, ta có thể sắp xếp người lái máy kéo giàu (mặc dù không quyền lực và uy tín thấp) và ông hiệu trưởng giàu (có quyền lực và uy tín cao) vào cùng một nhóm giai tầng xã hội! Nhóm này cũng chính là tầng lớp xã hội “ưu trội” do ông đưa ra:

Tầng lớp “ưu trội”, hay “vượt trội” của xã hội không “nổi” lên, “hiện” lên như một lực lượng xã hội, nhóm xã hội riêng rẽ (độc lập) mà bao gồm những phần tử ưu tú nhất, năng động nhất, vượt trội lên từ ở khắp các giai cấp, tầng lớp [...] Tầng lớp xã hội ưu trội này đang ngày càng lớn lên, mạnh lên và trở thành vị trí “đầu tàu”, những “con chim đầu đàn”, những mạnh thường quân đầy sung mãn, lôi kéo, dẫn dắt các nhóm xã hội đi lên.

(Nguyễn Đình Tấn, 2010: 10-11)

Như vậy, tầng lớp xã hội “ưu trội” trên đây chính là giai tầng xã hội ở tầng “đỉnh”. Theo khái niệm này ta có thể “sắp xếp” người nông dân ưu tú, vượt trội và làm ăn giỏi thuộc về tầng “đỉnh” (tầng cao nhất), còn các bộ trưởng không ưu tú thuộc tầng dưới “đỉnh” (tầng thấp hơn)! Tương tự cách phân tích ở trên, khái niệm tầng lớp “ưu trội” này cũng không hợp logic hình thức. Một mặt, ông đưa ra khái niệm tầng lớp xã hội bao gồm

những người bằng nhau về địa vị kinh tế, chính trị, xã hội. Mặt khác, tầng lớp này lại bao gồm tất cả các thành phần ưu tú ở các tầng lớp khác, mặc dù họ có địa vị xã hội khác nhau (tương tự như tập hợp người đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua toàn quốc trong hội trường). Đây cũng là một điều mâu thuẫn!

Sau cùng, về phương pháp luận và phương pháp xã hội học, câu hỏi đặt ra là làm thế nào để thao tác hóa hai khái niệm PTXH-HT/KHT trong thực tế nghiên cứu xã hội học. Liệu trong một cuộc khảo sát áp dụng khái niệm này, có thể dùng chỉ báo gì để tách ra được hai phân hệ/hai tiêu cơ cấu xã hội được phân tầng một cách HT hay KHT? Việc xác định tài sản, chức vụ của những người rơi vào mẫu nghiên cứu là HT hay KHT là điều vô cùng khó, thậm chí là bất khả thi.

Tóm lại, bài viết này đã phân tích xem xét 3 khái niệm liên quan đến phân tầng xã hội của tác giả Nguyễn Đình Tấn. Những trao đổi trên không chỉ nhằm đáp ứng mong muốn của ông được bạn đọc góp ý, nhận xét và phê bình (Nguyễn Đình Tấn, 2005a: 8; và 2010:12) mà còn là chia sẻ nghiệp vụ với các nhà nghiên cứu khác có quan tâm đến chủ đề phân tầng xã hội.

Tài liệu trích dẫn

- Boudon, Raymond. 1974. *Education, Opportunity, and Social Inequality*. John Wiley. New York.
- David B. Grusky (ed.). 2001. *Social Stratification: Class, Race, and Gender in Sociological Perspective* - 2nd edition. Westview Press. The United States of America and the United Kingdom.
- Đỗ Thiên Kính. 2014. Cản trở đối với tầng lớp nông dân trong hệ thống phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Xã hội học*, số 2 (126): 4-14.
- Nguyễn Đình Lê. 1999. *Biến đổi cơ cấu giai cấp xã hội miền Bắc thời kỳ 1954-1975*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- Nguyễn Đình Tấn. 2005a. *Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội* (sách chuyên khảo). Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Nguyễn Đình Tấn. 2005b. Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội - những đóng góp về mặt lý luận và ứng dụng thực tiễn. *Tạp chí Xã hội học*, số 3 (91): 25-32.
- Nguyễn Đình Tấn. 2010. Xã hội học về cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội - một chặng đường 20 năm nghiên cứu, phát triển và ứng dụng. *Tạp chí Xã hội học*, số 3 (111): 6-12.
- Viện Ngôn ngữ học. 2003. *Từ điển tiếng Việt*. Chủ biên: Hoàng Phê (in lần thứ chín, có sửa chữa), Nxb Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.